

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2020
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan Phụng
Ông Phan Văn Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu B, Phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

* *Bị đơn:* Ông Đàm Quang T, sinh năm 1962 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 250C, Khu phố B, Nguyễn Văn T, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim Đ trình bày:

Bà và ông T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/6/1988. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống ở tỉnh Lâm Đồng, thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông T về quê sống ở Bến Tre còn bà tiếp tục sống ở tỉnh Lâm Đồng với các con. Bà và ông T đã ly thân với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đàm Minh T, sinh ngày 09/02/1990 và Đàm Minh T, sinh ngày 15/10/1995. Hiện cả hai đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận;

Về nợ chung: không có.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa ông Đàm Quang T trình bày: Ông thống nhất với bà Đ về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng ông sống ly thân với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay bà Đ làm đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý xin ly hôn. Về con chung: có 02 con chung là Đàm Minh T, sinh ngày 09/02/1990 và Đàm Minh T, sinh ngày 15/10/1995, đã trưởng thành. Về tài sản chung thì vợ chồng ông tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có đúng quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà Huỳnh Thị Kim Đ và ông Đàm Quang T kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/6/1988 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Đ và ông T trình bày là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Bà Đ và ông T có 02 con chung đã trưởng thành và đã có cuộc sống riêng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà Đ xin ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T thực tế đã xảy ra. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 1997 cho đến nay vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Đ và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Đ đối với ông T là có căn cứ, vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[5] Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đàm Minh T, sinh ngày 09/02/1990 và Đàm Minh T, sinh ngày 15/10/1995. Xét thấy, hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị Kim Đ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim Đ cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Kim Đ được ly hôn ông Đàm Quang T.
- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Đàm Minh T, sinh ngày 09/02/1990 và Đàm Minh T, sinh ngày 15/10/1995 (đã trưởng thành).
- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn)đồng, bà Huỳnh Thị Kim Đ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị Kim Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008846 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP BT;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã LT, h. BL, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Doan Trang

Nguyễn Thị Loan Phụng

Phan Văn Hải

Nguyễn Thị Đoan Trang